**Nhóm 23**

**Đề tài: Phát triển service xử lý và lưu trữ video**

**Họ và tên: Trần Minh Mẫn**

**MSSV: 20110301**

**Task 3: 23/03/2023: Đặc tả usecase quay (rotate) video**

| **Use Case ID** | UC- |
| --- | --- |
| **Use Case Name** | Xóa project |
| **Description** | Liệt kê ra tất cả project hiện có trong hệ thống |
| **Actor (s)** | Người dùng |
| **Pre-Condition(s)** | Có project\_id của project đã tạo |
| **Post-Condition(s)** | Actor edit được video |
| **Basic flow (s)** | 1. Actor chạy project và truy cập vào địa chỉ [**http://127.0.0.1:5050/swagger/**](http://127.0.0.1:5050/swagger/) 2. Actor chọn API: **/projects/{project\_id} (method PUT)** 3. Actor chọn **Try it out** 4. Actor nhập project\_id cần xóa 5. Actor nhập action   **{Chọn Execute}**   1. Actor nhấn **Execute** 2. Yêu cầu được gửi tới hệ thống   **{Edit video}**   1. Hệ thống edit video của project dựa vào project\_id trong CSDL 2. Hệ thống trả về response 3. Hiển thị response 4. Kết thúc use case |
| **Alternative flow (s)** | A1. Actor muốn hủy hành động  Tại **{Chọn Execute}** nếu muốn hủy hành động   1. Actor chọn Cancel 2. Quay lại bước 3   A2. Hệ thống thông báo lỗi khi Actor chưa nhập project\_id  Tại **{Chọn Execute}** nếu Actor chưa nhập project\_id   1. Hệ thống yêu cầu nhập project\_id 2. Quay lại bước 4   A3. Hệ thống thông báo lỗi khi Actor nhập project\_id không chính xác  Tại **{Edit video}** nếu project\_id không chính xác   1. Hệ thống thông báo lỗi 2. Chuyển đến bước 9   A4. Hệ thống báo lỗi khi project là version 1  Tại **{Edit video}** nếu project có version là 1   1. Hệ thống thông báo lỗi 2. Chuyển đến bước 9   A5. Hệ thống báo lỗi khi action không hợp lệ  Tại **{Edit video**} nếu action không hợp lệ   1. Hệ thống báo lỗi 2. Chuyển đến bước 9 |
| **Exception flow (s)** |  |